

Quá trình công nghiệp hóa ở Nhật Bản dưới thời Minh Trị (1868 - 1912) và một số gợi mở cho công cuộc đổi mới của Việt Nam hiện nay

The industrialization process in Japan under Meiji Era (1868 - 1912)
and some suggestions for Vietnam's renovation

Trần Xuân Hiệp^{a,*}, Nguyễn Tuấn Bình^b
Tran Xuan Hiep, Nguyen Tuan Binh

^aKhoa Khoa học Xã hội & Nhân văn, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng, Việt Nam
Faculty of Social Sciences and Humanities, Duy Tan University, Da Nang, Vietnam

^bKhoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Faculty of History, University of Education, Hue University, Thua Thien Hue, Vietnam

(Ngày nhận bài: 27/08/2019, ngày phản biện xong: 09/12/2019, ngày chấp nhận đăng: 06/01/2020)

Tóm tắt

Trong suốt chiều dài lịch sử Nhật Bản, nếu như cải cách Taika (năm 645) từng bước thiết lập chế độ phong kiến thì Minh Trị duy tân (1868 - 1912) đã đưa đất nước này phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Trong cuộc cải cách Minh Trị, công nghiệp hóa đóng vai trò quan trọng giúp Nhật Bản thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, trở thành một cường quốc kinh tế phát triển nhất châu Á thời bấy giờ. Nhìn lại thời kỳ Minh Trị duy tân (1868 - 1912), chúng ta thấy tầm ảnh hưởng của cuộc cải cách này không còn giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Nhật Bản mà đã vươn ra phạm vi khu vực. Từ những bài học thành công của quá trình công nghiệp hóa Nhật Bản trong thời kỳ Minh Trị duy tân, với nhiều nét tương đồng về địa lý, văn hóa, lịch sử, truyền thống dân tộc, Việt Nam có thể học tập, chọn lựa những kinh nghiệm hữu ích để áp dụng vào thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước đang diễn ra hiện nay.

Từ khóa: Công nghiệp hóa, đổi mới, Nhật Bản, Minh Trị duy tân, Việt Nam.

Abstract

During the historical length of Japan, while the Taika Reforms (645) gradually established feudalism, the Meiji Restoration (1868 - 1912) led this country to capitalism. In the Meiji Restoration, industrialization played an important role in helping Japan escape from poverty and backwardness, becoming the most powerful economic Asian powers at the time. Looking back on the Meiji era (1868 - 1912), we realized this reform's influence is no longer limited to Japan's territory but has reached out to the region. From the successful lessons of the Japanese industrialization in the Meiji era, with many similarities in terms of geography, culture, history and national traditions, Vietnam can learn and select the useful experiences to apply to the reality of the current national renovation.

Keywords: Industrialization, Japan, Meiji Restoration, renovation, Vietnam.

1. Mở đầu

Năm 1868, sau chiến tranh Boshin, Thiên hoàng Minh Trị tiến hành cuộc Minh Trị duy tân, mở ra kỷ nguyên hiện đại hóa đất nước Nhật

Bản. Cải cách Minh Trị, hay Minh Trị duy tân (Meiji-ishin) là một cuộc cách mạng tư sản làm thay đổi to lớn cấu trúc kinh tế, xã hội và chính trị của Nhật Bản. Cuộc cách mạng năm 1868 cũng

mở đường cho việc biến nước Nhật Bản phong kiến thành một nước tư bản chủ nghĩa, thoát khỏi số phận một nước thuộc địa hay nửa thuộc địa. Trong tiến trình cải cách, chính phủ Minh Trị coi công nghiệp là một trong những trụ cột của một quốc gia hiện đại, vì vậy đã đề ra nhiều chính sách phát triển nền công nghiệp đất nước.

Nhìn lại công cuộc Minh Trị duy tân (1868 - 1912), chúng ta thấy tầm ảnh hưởng của cuộc cải cách này không còn giới hạn trong phạm vi lãnh thổ Nhật Bản mà đã vượt ra phạm vi khu vực. Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá Nhật Bản từ Minh Trị duy tân trở đi đã được thực hiện thành công và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu có giá trị phổ biến cho các nước trong khu vực và thế giới. Trong đó, Việt Nam là nước có nhiều điểm tương đồng với Nhật Bản cho nên những bài học kinh nghiệm từ cuộc cải cách Minh Trị có giá trị hữu ích và mang tính gợi mở cho công cuộc đổi mới đất nước do Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành hiện nay.

2. Quá trình tiến hành công nghiệp hóa của chính quyền Minh Trị ở Nhật Bản (1868 - 1912)

2.1. Tận dụng các nguồn vốn để công nghiệp hoá đất nước

Ngay từ khi mới lên nắm quyền, chính phủ Minh Trị đã nhận thấy rằng, muốn xây dựng đất nước có một nền công nghiệp hiện đại cần phải có trình độ khoa học kỹ thuật cao với phương châm “học hỏi phương Tây, đuổi kịp và vượt phương Tây”. Hiện đại hoá Nhật Bản là áp dụng nhanh chóng các thành tựu của phương Tây vào quá trình công nghiệp hóa đất nước, làm cho Nhật Bản lớn mạnh về kinh tế, giữ vững được nền độc lập nhằm loại bỏ các hiệp ước bất bình đẳng trong thời kỳ Mạc phủ Tokugawa. Phát huy lợi thế về nguồn nhân lực đã được đào tạo, chính phủ Minh Trị bao gồm các Samurai tư sản hoá và tầng lớp trí thức có đầu óc canh tân, có ý thức dân tộc [3; 115]. Do vậy, Nhật Bản đã chú trọng đầu tư vốn và đào tạo nguồn nhân lực.

Trong thời kỳ này, chính quyền Minh Trị chú ý vào hai loại vốn sau: Thứ nhất là vốn trong nước: chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp, đó là khoản thu nhập từ thuế đất và thuế nông nghiệp với mức cao và số vốn từ nguồn vốn tự tiết kiệm, do nhà nước ban hành quy định cấm nhân dân đi du lịch nước ngoài, để đầu tư vào phát triển kinh tế đất nước; Thứ hai là vốn nước ngoài, nhà nước dùng hình thức vay vốn của nước ngoài, mục đích để mua máy móc phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa. Số vốn thu được từ các lĩnh vực trên đã được nhà nước giải quyết một cách hợp lý, linh hoạt, có hiệu quả cao góp phần quan trọng vào việc tăng trưởng kinh tế.

2.2. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật

Chính phủ Minh Trị cũng nhận thức được rằng: Muốn xây dựng một nền công nghiệp hiện đại, phải có một đội ngũ trí thức tiên tiến, đủ cơ sở và tiềm lực xây dựng đất nước. Ngay trong lời tuyên thệ, Thiên hoàng Minh Trị đã nói: “*Cầu tri thức ở thế giới, làm cho nước nhà trở nên mạnh lớn, vẻ vang*” [5; 131]. Đây là nhân tố quyết định giúp Nhật Bản phát triển kinh tế theo hướng “đón đầu”, tiếp cận khoa học kỹ thuật phương Tây. Cho nên việc gửi sinh viên ra nước ngoài để học tập được chính quyền Minh Trị coi là quốc sách. Chủ trương sử dụng nhân tố quốc tế để tiến hành công nghiệp hoá của Nhật Bản được triển khai nhanh và vững chắc bằng những bước đi và những hình thức cụ thể. Bước đột phá lịch sử đưa đến sự “cất cánh” của Nhật Bản là sự kiện Thiên hoàng Minh Trị tuyên bố Cương lĩnh cải cách (tháng 4-1868), trong đó nhấn mạnh tư tưởng “học tập nước ngoài để xây dựng đất nước” [1; 3].

2.3. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng

Cùng với việc học tập khoa học kỹ thuật phương Tây và chú trọng phát triển giáo dục, Thiên hoàng Minh Trị rất quan tâm xây dựng cơ sở hạ tầng. Chính phủ Nhật Bản chủ trương muốn công nghiệp hóa thành công thì phải có cơ sở hạ tầng vững chắc, đặc biệt là ngành giao thông vận tải, thông tin liên lạc. Xác định đường sắt là một trong

những mạch máu của sự phát triển kinh tế - xã hội, ngay từ đầu Nhật Bản đã chú trọng xây dựng. Năm 1872, Nhật Bản hoàn thành tuyến đường sắt Tokyo - Yokohama dài 19 dặm. Tính đến năm 1870, ngành đường sắt Nhật Bản đã chở được 40.000 tấn hàng và năm 1880 chở được 2 triệu hành khách với giá bằng 1/17 giá cũ [4; 99]. Đến cuối những năm 80 của thế kỷ XIX, tổng chiều dài đường sắt được xây dựng là 580 dặm, chủ yếu do số vốn vay của nước ngoài (nước Anh). Đặc biệt nhất là vào năm 1880, tuyến đường sắt Kyoto - Otsu được xây dựng. Đây là tuyến đường sắt đầu tiên mà Nhật Bản xây dựng không dựa vào sự giúp đỡ của nước ngoài [6; 316-317]. Đến năm 1893, Nhật Bản có 2.000 dặm đường sắt và 100.000 tấn tàu chạy bằng hơi nước [8; 143]. Bên cạnh đó, chính phủ Minh Trị khuyến khích các tư nhân bỏ vốn xây dựng các xí nghiệp, các công trình đường sắt, đường bộ, điện tín. Năm 1881, một số tư nhân được nhà nước cho phép đứng ra xây dựng hệ thống đường sắt, hệ thống đường bộ, đường thủy, hải cảng quốc tế. Một số xưởng đóng tàu cũ đã được sửa chữa, ngoài ra chính phủ còn cho xây dựng mới một số xưởng đóng tàu ở Kobe. Năm 1870, Thiên hoàng Minh Trị cho thành lập Bộ Công nghệ nhằm giúp đỡ các xí nghiệp tư nhân liên quan đến việc bảo trợ kỹ thuật, cho vay vốn và đánh thuế.

Cùng với sự phát triển về ngành đường sắt, hệ thống thông tin liên lạc cũng mở rộng nhanh chóng vào năm 1869 và hệ thống bưu điện tăng lên năm 1871. Số lượng các bưu điện đã tăng, lượng thư từ xử lý một năm tăng từ 100 triệu đến 1 tỷ lá thư một năm, dịch vụ điện thoại bắt đầu tăng lên sau năm 1892. Đến năm 1911, Nhật Bản có khoảng 180.000 hộ và công sở có điện thoại. Do sự khuyến khích của chính phủ, tư bản tư nhân cũng dần dần góp vốn vào xây dựng cơ sở hạ tầng quốc gia. Việc cung cấp điện bắt đầu tăng lên vào đầu năm 1900 với công suất 320.000 KWh [7; 43].

2.4. Phát triển hài hòa công nghiệp nhẹ, công nghiệp nặng

Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, công nghiệp nhẹ, nhất là công nghiệp dệt,

được chính phủ Minh Trị chú trọng do đầu tư ít vốn hơn công nghiệp nặng. Mặt khác, công nghiệp nhẹ thu lãi nhanh hơn, có triển vọng tạo thế cân bằng cán cân thương mại cho Nhật Bản. Trong thời kỳ này, chính phủ đã xây dựng nhà máy dệt đầu tiên ở Satsuma năm 1868, nhà máy thứ hai ở Osaka ra đời vào năm 1870. Các nhà máy dệt lụa cũng được chú trọng cải tiến kỹ thuật, có thể sản xuất hàng lụa tốt vào loại bậc nhất thế giới. Năm 1880, hàng lụa chiếm 43% so với tổng số các hàng xuất khẩu của Nhật Bản. Chính phủ đứng ra tổ chức và điều hành các cơ sở sản xuất, đồng thời chủ trương khai thác các vùng đất hoang ở Hokkaido để biến thành các trung tâm công nghiệp lớn. Bên cạnh đó, nhà nước còn thành lập trường kinh doanh để đào tạo các chuyên gia doanh nghiệp có tầm cỡ quốc gia. Chính phủ Nhật Bản còn vay tiền của ngoại quốc để đầu tư vào các xí nghiệp, tìm mọi biện pháp để bảo trợ nền công nghiệp và gia tăng sản xuất. Nhờ một loạt các biện pháp trên, chỉ với một thời gian rất ngắn các nhà máy dệt tư nhân đã tăng lên nhanh chóng và trở thành một trong những ngành công nghiệp phồn thịnh nhất của Nhật Bản lúc bấy giờ. Chính phủ đã dành cho tư nhân quản lý công nghiệp giấy và công nghiệp mỏ. Điều này chính là tác nhân quan trọng làm cho giới kinh doanh tư nhân ở Nhật Bản ngày càng lớn mạnh, trong đó có một số hãng, công ty nổi tiếng như: Mitsubishi, Mitsui, Fujita, Kawazako.

Để tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, năm 1880, chính phủ Minh Trị đã bán các xí nghiệp của nhà nước cho tư nhân trực tiếp quản lý, chú trọng bảo vệ lợi ích pháp lý, tạo điều kiện cho tư nhân phát triển kinh tế. Ngoài ra, Nhật Bản cũng đã sử dụng những biện pháp kích thích đòn bẩy kinh tế bằng cách: giảm thuế, miễn thuế, cấp tín dụng hoặc cho nhân dân vay vốn với lãi suất thấp. Nhà nước cũng thông qua đơn đặt hàng của chính phủ, các tập đoàn tài phiệt Zaibatsu. Các tập đoàn này quan hệ mật thiết với chính phủ và hệ thống ngân hàng, để tạo vốn cho tư nhân phát triển công nghiệp. Nhờ chính sách tư hữu hóa mà nhiều

ngành sản xuất đã phát triển vượt bậc, từ những cơ sở công nghiệp nhỏ trở thành các công ty, xí nghiệp lớn, chẳng hạn như ngành dệt, sản xuất giấy, khai thác mỏ. Năm 1881, các ngành công nghiệp mới xuất hiện sản xuất các mặt hàng xi măng, bia, thủy tinh, len. Năm 1881, có 99% than, 94% thép và 77% đồng ở Nhật Bản do tư nhân sản xuất. Mỗi quan hệ giữa nhà nước và tư nhân đã tạo ra các thể hệ doanh nhân có năng lực với nhiều thành phần xuất thân khác nhau. Đặc biệt, không ít trong số họ đã trở thành những nhân vật sáng lập ra các công ty lớn như Mitsui, Sumitomo...

Công nghiệp khai thác mỏ cũng được chú trọng với sự giúp đỡ của các chuyên gia nước ngoài và sự giúp đỡ vốn của Anh. Vào năm 1869, cơ sở khai thác mỏ tối tân đã đi vào hoạt động. Sau đó nhà nước quốc hữu hoá cơ sở này bằng cách mua lại phần vốn của người Anh (năm 1874) và do người Nhật điều hành toàn bộ. Năm 1880, chính phủ quyết định đầu tư vốn và công nghệ hiện đại, việc khai thác mỏ sắt được chú ý. Chính phủ Nhật đã chỉ đạo các cơ sở trong nước tự sản xuất được 90% số vàng, bạc, hoàn thành xây dựng nhà máy sản xuất dụng cụ cơ khí vào năm 1870, nhà máy gạch trắng năm 1876. Việc khai khoáng mỏ nằm trong tay tư nhân và nhà nước. Trong lĩnh vực này có bước tiến bộ đáng kể, từ xí nghiệp quản lý kém, ví dụ mỏ vàng, mỏ bạc ở Sado, thì đến năm 1911 phát triển rất nhanh chóng do có sự hỗ trợ của cổ vấn nước ngoài. Ngoài ra, chính phủ còn thực hiện một loạt các biện pháp, như chính phủ phát hành bán trái phiếu năm 1878, với mục đích lấy tiền để mua máy đánh sợi bông của nước Anh, nhằm xúc tiến quá trình hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại, quá trình công nghiệp hoá dưới thời Minh Trị ở Nhật Bản đã có vai trò quan trọng đưa đất nước này thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, nhanh chóng trở thành một cường quốc kinh tế phát triển nhất châu Á đi theo mô hình các nước tư bản chủ nghĩa ở phương Tây. Công cuộc Minh Trị duy tân nói chung và công nghiệp hóa nói riêng của Nhật Bản là tấm gương sáng cho các

nước khu vực học tập để phát triển kinh tế, ảnh hưởng đối với Trung Quốc, Việt Nam.

3. Một số kinh nghiệm gợi mở từ quá trình công nghiệp hóa Nhật Bản dưới thời Minh Trị đối với công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Quá trình công nghiệp hóa Nhật Bản thời kỳ Minh Trị diễn ra vào nửa cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh thế giới khác nhiều so với hiện nay, thời kỳ toàn cầu hóa và văn minh tri thức. Tuy nhiên, đối với một nước đang phát triển và trong quá trình chuyển đổi kinh tế như Việt Nam, những bài học từ Minh Trị duy tân và công nghiệp hóa Nhật Bản vẫn có giá trị thực tiễn, giúp Việt Nam học tập, chọn lựa và áp dụng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Thứ nhất, sự công nghiệp hóa Minh trị của Nhật Bản đã để lại nhiều bài học về huy động và sử dụng vốn, đầu tư khoa học kỹ thuật, đầu tư giáo dục... Trong đó, Việt Nam cần học hỏi và tham khảo kinh nghiệm Nhật Bản trong việc huy động và phân bổ các nguồn lực trong nước để phát triển kinh tế. Ở Nhật Bản, quan hệ giữa lao động và quản lý (quan hệ chủ - thợ) được coi như là truyền thống văn hóa công nghiệp Nhật Bản và nó đã có tác dụng tích cực thúc đẩy nền kinh tế phát triển [2; 83]. Đó là mối quan hệ giao tiếp giữa con người trong quá trình sản xuất, một yếu tố tâm lý cần hết sức coi trọng trong quản lý xã hội và trong sản xuất, kinh doanh. Thành công của Nhật trong kinh tế đã được thừa nhận là những thành tựu thần kỳ, là kết quả của cái gọi là “hiệu năng Nhật Bản” [2; 87], trong đó yếu tố quyết định nhất là con người. Con người được đào tạo để phát triển, tức là vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục và văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, kết hợp chặt chẽ với học tập tinh hoa nhân loại, cụ thể là phương Tây [2; 88].

Thứ hai, để công cuộc công nghiệp hóa phát triển mạnh cần phải tận dụng thị trường to lớn bên ngoài, nhưng trước hết phải phát huy nội lực bên trong. Kinh nghiệm phát triển kinh tế của Nhật Bản trong quá trình công nghiệp hoá có ý nghĩa to lớn đối với

Việt Nam, bởi vì người Việt cũng thông minh và cần cù chịu khó như người Nhật. Nhật Bản đã thành công trong việc sử dụng nguồn nhân lực con người trong phát triển. Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định nhất đối với sự tăng trưởng kinh tế. Tài nguyên về sức lao động là nguồn tài nguyên cơ bản nhất trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Sức lao động là nhân tố năng động nhất trong sản xuất, là nhân tố chủ yếu tạo ra của cải vật chất và của cải tinh thần. Ảnh hưởng của nguồn tài nguyên sức lao động đối với phát triển kinh tế và tác dụng chủ yếu biểu hiện ở lực lượng lao động, tố chất hoặc chất lượng lao động, chế độ thuê mướn, mức độ giá cả của hàng hóa sức lao động. Ở cả ba mặt này, Nhật Bản đều có ưu thế tương đối trong quá trình phát triển kinh tế, nhanh chóng mở rộng sản xuất, thoả mãn nhu cầu lao động. Có thể nói, sự phát triển nguồn nhân lực gắn chặt với nhu cầu tăng trưởng kinh tế tạo nên yếu tố quyết định cho Nhật Bản “cất cánh”. Điều may mắn trước khi hiện đại hoá, Nhật Bản đã có chế độ giáo dục tiên bộ hơn cả một số nước phương Tây. Đó là chế độ giáo dục phổ cập, bình đẳng nam - nữ, không phân biệt giàu - nghèo. Nhật Bản cuối thời Tokugawa đã là một xã hội có học vấn và “một thế giới đầy những sách” [7; 285].

Với tinh thần lấy con người làm trọng tâm, chính phủ Minh Trị đã biết kết hợp khoa học kỹ thuật phương Tây với truyền thống đạo đức của phương Đông, nổi bật là sự quản lý con người, đề cao việc phát triển nguồn lực chất lượng cao. Để đảm bảo quá trình công nghiệp hóa, tạo điều kiện cho sự tăng trưởng kinh tế, Nhật Bản đã thực hiện nghiêm ngặt chính sách phát triển dân số. Đây chính là bài học kinh nghiệm quý giá đối với Việt Nam trong công cuộc đổi mới là phải thực hiện kế hoạch hóa dân số đảm bảo chất lượng của nguồn lực lao động, đó chính là công nghiệp hóa cần trình độ, chất lượng của lao động chứ không phải cần nhiều số lượng lao động [7; 285].

Thứ ba, yếu tố quan trọng khác góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh của Nhật Bản là khả năng tiếp thu, cải tiến truyền thống văn hóa, tạo nên bản sắc văn hóa có lợi cho quá trình hiện đại hóa. Sự kết hợp

giữa yếu tố truyền thống và hiện đại cũng là một bài học cho Việt Nam. Nho giáo ở Nhật Bản đã nhấn mạnh sự trung thành với chế độ, lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, sự chung thủy với bạn bè và sự kính trọng những người già [3; 117]. Tất cả những điều này đều ảnh hưởng đến quá trình phát triển kinh tế của đất nước. Qua kinh nghiệm của Nhật Bản, chúng ta có thể thấy rằng không phải mọi truyền thống đều có ích cho quá trình hiện đại hóa đất nước, những truyền thống nào phát huy tính tích cực hiện đại mới nên giữ lại, nếu không thì cần loại bỏ để khỏi cản trở sự phát triển kinh tế. Thành công của Nhật Bản cũng là bài học quý báu cho Việt Nam - một đất nước nhỏ hẹp, người đông và có nhiều nét văn hóa, lịch sử tương đồng với Nhật Bản. Việt Nam cần phải có chính sách mở đường cho người lao động tự tạo ra việc làm, kích thích mọi người dân đưa vốn vào sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm để tích lũy, mở rộng tái sản xuất trên quy mô toàn xã hội. Nhà nước phải có chính sách đúng đắn trong việc phát triển khu vực sản xuất, dịch vụ, kinh doanh quy mô nhỏ để thu hút dư thừa trong toàn xã hội.

Thứ tư, yếu tố quyết định thay đổi cơ cấu kinh tế có lợi cho tăng trưởng là khoa học kỹ thuật. Thành công của Nhật Bản một phần chủ yếu là do có chiến lược đúng đắn, nhờ đó sớm bắt kịp trình độ khoa học kỹ thuật thế giới và áp dụng nhanh chóng vào sản xuất. Trước đây khi đất nước còn lạc hậu, Nhật Bản ưu tiên nhập khẩu kỹ thuật hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, có tính chất quyết định đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Trong điều kiện thế giới ngày nay đang tiến nhanh vào giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, những kinh nghiệm trên của Nhật Bản như là một động lực to lớn đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Trong điều kiện nghèo tài nguyên, Nhật Bản phải nhập khẩu nguyên liệu để mở rộng quy mô sản xuất, phát triển công nghiệp trong nước. Chính phủ Nhật Bản thực sự đóng vai trò động lực phát triển kinh tế. Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, chính phủ thành lập những nhà máy hoa tiêu, về sau chính phủ đã giảm sự can dự trực

tiếp vào công nghiệp hóa, nhưng vẫn giữ vai trò tích cực trong việc phát triển giáo dục, xây dựng cơ cấu hạ tầng và hoàn thiện cơ chế thị trường, tạo ra môi trường thuận lợi thích hợp cho các xí nghiệp kinh tế tư nhân. Chính phủ đã phát huy được vai trò có tính quyết định đối với sự phát triển của kinh tế tư nhân, luôn quan tâm đến lợi nhuận của xí nghiệp, đến việc sử dụng hiệu quả vật tư kỹ thuật.

Thứ năm, vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, công nghiệp hóa đã tác động mạnh đến những thay đổi địa vị của hệ thống gia đình. Về phương diện sinh hoạt cũng có nhiều thay đổi như cách sử dụng trang phục, kiểu tóc, thay đổi trong cả bữa ăn hàng ngày, kiến trúc nhà ở để phù hợp với xu thế thời đại. Đó cũng là một bài học kinh nghiệm cho Việt Nam cần nhanh chóng, linh hoạt trong quá trình công nghiệp hóa. Bài học về sự tiết kiệm trong chi tiêu của người Nhật Bản cũng là một điều mà chúng ta cần suy ngẫm. Đất nước Nhật nghèo tài nguyên nhưng họ đã thành công trong quá trình công nghiệp hóa. Một trong những nguyên tắc tạo sự thành công đó là người Nhật luôn dạy cho con em họ rằng: Nước Nhật Bản nghèo lắm không có gì ngoài “khô óc và đôi bàn tay”. Vì vậy người ta phải lao động tích cực, đồng thời phải biết hết sức tiết kiệm. Điều đó đã tạo nên một kỳ tích về nước Nhật làm cho thế giới khâm phục. Tất cả những vấn đề trên đã để lại cho chúng ta nhiều bài học bổ ích trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

3. Kết luận

Trong tiến trình lịch sử Nhật Bản có ba cuộc cải cách với ý nghĩa mang tính thời đại, đó là cải cách Taika (645), cải cách Minh Trị (1868) và cuộc cải cách sau năm 1945. Trong đó, với công cuộc duy tân năm 1868, Thiên hoàng Minh Trị là người “khai tử” chế độ phong kiến chuyên chế tồn tại hơn 1.000 năm trên đất nước Nhật Bản, đồng thời giải quyết thành công về cơ bản nhiệm vụ độc lập dân tộc, cải cách, tự cường và mở ra một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên Nhật Bản phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa và tham gia vào quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Công cuộc Minh Trị duy tân (1868 - 1912) để lại dấu ấn sâu đậm không những đối với Nhật Bản mà còn với các nước trong khu vực. Sự thành công của công cuộc duy tân Nhật Bản đã có ảnh hưởng lớn ở châu Á, trong đó có Việt Nam. Việt Nam và Nhật Bản gần gũi nhau về mặt địa lý, có nhiều nét tương đồng về văn hóa lịch sử, truyền thống lao động cần cù, thông minh và sáng tạo. Hai nước đã có những mối liên hệ với nhau từ lâu trong lịch sử trên các lĩnh vực thương mại, văn hoá, giáo dục... Hơn 150 năm trôi qua, những bài học kinh nghiệm từ Minh Trị duy tân vẫn còn nguyên giá trị, nhất là đối với Việt Nam đang trong thời kỳ tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Trong quá trình xây dựng đất nước nói chung và công cuộc công nghiệp hóa dưới thời Minh Trị vào nửa cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX nói riêng, Nhật Bản đã để lại nhiều gợi ý bổ ích về vấn đề huy động vốn, đầu tư khoa học kỹ thuật, giáo dục, phát triển nguồn nhân lực ... có thể giúp Việt Nam suy nghĩ để rút ra bài học kinh nghiệm cho quá trình đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hoàng Giáp (2000), “Tạo lập và khai thác môi trường quốc tế cho công nghiệp hóa - hiện đại hoá: Một số kinh nghiệm của Nhật Bản”, *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản*, số 5.
- [2] Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Michio Morishima (1991), *Tại sao Nhật Bản “thành công”?* Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản, (Đào Anh Tuấn dịch), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Khắc Ngữ (1969), *Nhật Bản duy tân dưới thời Minh Trị Thiên Hoàng*, Nxb. Trình bày, Sài Gòn.
- [5] Đào Trinh Nhất (2015), *Nhật Bản duy tân 30 năm*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [6] R.H.P. Mason, J.G. Caiger (2003), *Lịch sử Nhật Bản*, bản dịch của Nguyễn Văn Sỹ, Nxb. Lao động, Hà Nội.
- [7] Lê Văn Sang, Lưu Ngọc Trinh (1991), *Nhật Bản - Đường đi tới một siêu cường kinh tế*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [8] Vĩnh Sinh (2014), *Nhật Bản cận đại*, Nxb. Lao động, Hà Nội.